

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN U MINH
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **92/2020/HNGĐ-ST**

Ngày: 05 - 11 - 2020.

V/v tranh chấp ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN U MINH TỈNH CÀ MAU.**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Mộng Chi.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Hải Hưng

Ông Châu Hoàng Huy

- Thư ký phiên tòa: Bà Dương Như Ý, Thư ký Tòa án nhân dân huyện U Minh, tỉnh Cà Mau.

Ngày 05 tháng 11 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện U Minh, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 259/2020/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 10 năm 2020 về việc “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 101/2020/QĐXXST - HNGĐ ngày 23 tháng 10 năm 2020 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Lê Thị L, sinh năm 1988

Địa chỉ: Ấp 9, xã NP, huyện U, tỉnh Cà Mau.

- Bị đơn: Ông Phạm Văn T, sinh năm: 1981

Địa chỉ: Ấp 9, xã NP, huyện U, tỉnh Cà Mau.

Bà Lê Thị L có đơn xin xét xử vắng mặt ngày 23/10/2020; ông Phạm Văn T có đơn xin xét xử vắng mặt ngày 21/10/2020.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện ngày 01 tháng 10 năm 2020, nguyên đơn bà Lê Thị L trình bày:

Về hôn nhân: Vào năm 2006 bà Lê Thị L và ông Phạm Văn T chung sống với nhau, hôn nhân tự nguyện có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Nguyễn Phích, huyện U Minh, tỉnh Cà Mau. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc và có một đứa con nhưng thời gian gần đây vợ chồng luôn phát sinh mâu thuẫn, vợ chồng không tôn trọng nhau, vợ chồng thường xảy ra cự cãi. Mặc dù

cha mẹ hai bên có hàn gắn mâu thuẫn nhưng không thể giải quyết mâu thuẫn. Xét thấy cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà yêu cầu ly hôn với ông Phạm Văn T.

Về con chung: Có 01 con chung tên Phạm Thành Lực, sinh ngày 08/7/2008 hiện sống với ông Phạm Văn T. Sau khi ly hôn bà đồng ý giao con cho ông Phạm Văn T nuôi dưỡng..

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Tại đơn xin vắng mặt đề ngày 21 tháng 10 năm 2020, bị đơn ông Phạm Văn T trình bày:*

Về hôn nhân: Vào năm 2006 ông Phạm Văn T và bà Lê Thị L chung sống với nhau, hôn nhân tự nguyện có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Nguyễn Phích, huyện U Minh, tỉnh Cà Mau. Trong thời gian chung sống vợ chồng không được hạnh phúc thường hay xảy ra cự cãi nên bà Lê Thị L yêu cầu ly hôn ông đồng ý ly hôn với bà Lê Thị L.

Về con chung: Có 01 con chung tên Phạm Thành Lực, sinh ngày 08/7/2008 hiện sống với ông Phạm Văn T. Sau khi ly hôn ông Phạm Văn T đồng ý nuôi con chung, không yêu cầu bà Lê Thị L cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: bà Lê Thị L yêu cầu được ly hôn với ông Phạm Văn T tranh chấp được xác định là tranh chấp hôn nhân gia đình về việc ly hôn thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện U Minh, tỉnh Cà Mau theo quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Bà Lê Thị L và ông Phạm Văn T có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 227; Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà Lê Thị L và ông Phạm Văn T.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà Lê Thị L và ông Phạm Văn T xác lập quan hệ hôn nhân trên cơ sở tự nguyện vào năm 2006, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Nguyễn Phích, huyện U Minh, tỉnh Cà Mau theo quy định nên quan hệ hôn nhân của bà Lê Thị L và ông Phạm Văn T là hợp pháp, được pháp luật bảo vệ.

Quá trình chung sống, vợ chồng bà Lê Thị L và ông Phạm Văn T xảy ra mâu thuẫn nhưng không hòa giải với nhau được, bà Lê Thị L và ông Phạm Văn T cùng trình bày vợ chồng không được hạnh phúc thường hay xảy ra cự cãi, bà Lê Thị L yêu cầu ly hôn ông Phạm Văn T cũng đồng ý ly hôn theo yêu cầu của bà Lê Thị L. Từ đó cho thấy cuộc sống hôn nhân của bà L và ông T không thể tiếp tục, mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử chấp nhận cho bà Lê Thị L ly hôn với ông Phạm Văn T.

[3] Về nuôi con chung: Bà Lê Thị L và ông Phạm Văn T có 01 con chung tên Phạm Thành Lực, sinh ngày 08/7/2008 hiện sống với ông Phạm Văn T. Bà Lê Thị L đồng ý giao con chung cho ông Phạm Văn T nuôi dưỡng, ông Phạm Văn T đồng ý nuôi con và tại đơn yêu cầu cháu Phạm Thành Lực cũng có nguyện vọng sống cùng với ông Phạm Văn T. Do đó, để đảm bảo quyền lợi con chung khi ly hôn nên giao cháu Phạm Thành Lực cho ông Phạm Văn T tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Bà Lê Thị L không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Ông Phạm Văn T không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Bà Lê Thị L và ông Phạm Văn T xác định không có tài sản chung, không có nợ chung không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí sơ thẩm: Bà Lê Thị L phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 227; Điều 228, Điều 271; khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 51, 56, 81, 82 của Luật hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của bà Lê Thị L xin ly hôn với ông Phạm Văn T.

- Về nuôi con chung: Giao con chung tên Phạm Thành Lực, sinh ngày 08/7/2008 cho ông Phạm Văn T tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Bà Lê Thị L không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Ông Phạm Văn T không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

- Về án phí: Bà Lê Thị L phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm 300.000 đồng. Bà Lê Thị L đã nộp tạm ứng án phí 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0005195 ngày 30/9/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện U Minh, tỉnh Cà Mau được chuyển thu án phí.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có

quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bà Lê Thị L, ông Phạm Văn T vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được thực hiện nghiêm yết theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện U Minh;
- Chi cục THADS huyện U Minh;
- Các đương sự;
- UBND xã Nguyễn Phích, huyện U Minh;
- Lưu: hồ sơ vụ án, văn thư

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Nguyễn Mộng Chi